



2023 高雄公開賽
2023 Kaohsiung Open
第一回合編組表
Starting Times for Round 1
上午場 Morning Session



地點：高雄高爾夫俱樂部
KAOSIUNG GOLF & COUNTRY CLUB

112 年 10 月 25 日 (星期三)

第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
1	6:30	1	鄭祐人	TWN	11	6:35	10	王力偉	TWN
			林義淵	TWN				林宸駒	TWN
			陳柏睿	TWN				陳鳴悒	TWN
2	6:40		賴韋綸	TWN	12	6:45		姜榮彬	TWN
			陳暉泓	TWN				蔡啟煌	TWN
			鄭聿呈 A	TWN				鄧圻謀 A	TWN
3	6:50		李尚融	TWN	13	6:55		王士瑞	TWN
			邱瀚霆	TWN				詹佳翰	TWN
			曾冠彧 A	TWN				蔡勁陽 A	TWN
4	7:00		許智凱	TWN	14	7:05		方胤人	TWN
		何易叡	TWN	王璽安			TWN		
		張哲綸 A	TWN	吳丞軒 A			TWN		
5	7:10	許立朋	TWN	15	7:15	汪德昌	TWN		
		張宇誠	TWN			林張恆	TWN		
		謝曜宇 A	TWN			黃至翊 A	TWN		
6	7:20	洪駿剛	TWN	16	7:25	江以安	TWN		
		Brett Michael Munson	USA			方傳崑	TWN		
		林遠惟	TWN			曾子豪	TWN		
7	7:30	蔡辰錯	TWN	17	7:35	黃柏叡	TWN		
		Yi do Jung	KOR			曾子軒	TWN		
		李威霖	TWN			蘇清安	TWN		
8	7:40	張建棋	TWN	18	7:45	張簡克諺	TWN		
		蔣宸麟	TWN			陳宥綦	TWN		
		黃凱駿 A	TWN			蔡宗佑	TWN		
9	7:50	林澄洋	TWN	19	7:55	陳守成	TWN		
		Leon Philip D'SOUZA	HK			張耀濱	TWN		
		陳又勁 A	TWN			李威廷 A	TWN		
10	8:00	TAN Chi Hin, Lou 鄧子軒	HK	20	8:05	李士鴻	TWN		
		許育誠	TWN			許智傑	TWN		
		林上予 A	TWN			林居佑 A	TWN		



2023 高雄公開賽
2023 Kaohsiung Open
第一回合編組表
Starting Times for Round 1
下午場 Afternoon Session



地點：高雄高爾夫俱樂部
KAOHSIUNG GOLF & COUNTRY CLUB

112 年 10 月 25 日 (星期三)

第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
21	10:55	1	蘇彥璋	TWN	31	10:50	10	張奇偉	TWN
			柯志達	TWN				翁永田	TWN
			楊浚頡	TWN				楊 豪	TWN
22	11:05		蔡顯至	TWN	32	11:00		陳伯豪	TWN
			李卓全	TWN				卓宗霖	TWN
			林晟毓	TWN				洪瑞誠	TWN
23	11:15		黃冠勳	TWN	33	11:10		曾宏勝	TWN
			蔡凱任	TWN				賴嘉一	TWN
			陳科壹	TWN				鄭念宗 A	TWN
24	11:25		洪昭鑫	TWN	34	11:20		劉澤森	TWN
			王宥崑	TWN				連驪森	TWN
			沙比亞特·馬克	TWN				林薪祐 A	TWN
25	11:35		何祐誠	TWN	35	11:30		劉永華	TWN
			高 藤	TWN				楊斐皓	TWN
			黃議增	TWN				王偉軒	TWN
26	11:45		林耕緯	TWN	36	11:40		張緯綸	TWN
			曾豐棟	TWN				陳志忠	TWN
			陳威勝	TWN				呂偉智	TWN
27	11:55		盧建順	TWN	37	11:50		呂文德52	TWN
			林大銷	TWN				葉 甫	TWN
			謝繼賢	TWN				謝東宏	TWN
28	12:05		葉彰廷	TWN	38	12:00		楊文來	TWN
			施俊宇	TWN				陳志宏	TWN
			詹頂立	TWN				林紹白 A	TWN
29	12:15		陳傑生	TWN	39	12:10		黃韋豪	TWN
			宋孟璋	TWN				沈威成	TWN
			張哲瑜	TWN				廖煥鈞	TWN
30	12:25		鄭存宸	TWN	40	12:20		周宏男	TWN
			何勁宏	TWN				黃 頌	TWN
			陳裔東	TWN				辜柏雲	TWN